

Bản án số: 457/2022/HS-ST

Ngày: 23/9/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Sơn.

2. Bà Võ Thị Nam.

3. Bà Võ Thị Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 622/2022/HSST ngày 18/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4944/2022/QĐXXST-HS ngày 08/9/2022 đối với bị cáo:

Cao Thị Hồng D, sinh năm 1990 tại Lâm Đồng; nơi thường trú: xóm N, tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn T và bà Đào Thị M; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 01/6/2018, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng, cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy P, tỉnh Bình Phước, đến ngày 13/4/2019 được tái hòa nhập cộng đồng.

Bị bắt, tạm giam ngày 18/6/2021 (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Cao Thị Kiều T1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Cao Thị Hồng D (có mặt).

Bị hại: Bà Trần Thị Ba, sinh năm: 195; trú tại: C Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Ký, sinh năm: 1987; trú tại: Khu F, thị trấn V, huyện V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).
2. Bà Trần Ngọc Hà, sinh năm: 1973; trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Thị Hồng D có bạn tên “Mixer” và “Bé Ba” (chưa rõ lai lịch) ở trọ tại phòng trọ số C, địa chỉ C Ấp D, xã B, huyện B do bà Trần Thị B làm chủ. Ngày 08/6/2021, D đến phòng trọ tìm gặp M1, Bé B và xin ở nhờ lại đây. Trong thời gian ở tại đây, D tiếp xúc qua lại với bà B, phụ giúp bà B dọn dẹp nhà và được bà B nhận làm con nuôi. Sau khi D đến ở được khoảng 03 ngày thì “Bé Ba” bị bệnh ho ra máu nên M1 đưa Bé Ba đến Bệnh viện Phạm Ngọc T2 cứu chữa, còn D vẫn ở lại nhà trọ. Trước khi đưa Bé Ba đi bệnh viện, M1 có nói với D về việc còn nợ bà B tiền thuê trọ và dặn D khi thuận lợi thì thu dọn quần áo của cả ba trốn ra khỏi phòng trọ, đến Bệnh viện Phạm Ngọc T2 để gặp nhau. Do khu nhà trọ có cổng rào, ban đêm được khóa kín nên D chưa thực hiện được việc làm trên. Biết Nguyễn Văn K là người ở trọ lâu năm và được bà B tin tưởng giao chìa khóa cổng khu nhà trọ nên D tìm cách tiếp cận Ký để mượn chìa khóa. Chiều tối ngày 16/6/2021, D và Ký cùng ăn uống tại khu nhà trọ, do có dự định từ trước, D đề nghị Ký cho D mượn chìa khóa cổng để thuận lợi cho việc đón người thân của “Mixer” và “Bé Ba” đến thăm. Tin lời D, K đã đưa cho D mượn chiếc chìa khóa.

Khoảng 02 giờ ngày 18/6/2021, sau khi xếp quần áo bỏ vào valy, D dùng chìa khóa mượn từ Ký mở khóa cổng trước khu nhà trọ, sau đó đi vào lấy valy chứa quần áo rời khỏi nhà trọ. Khi đi ngang qua nhà ở của bà B (đầu dãy nhà trọ), D nhìn qua cửa kính thì thấy bà B đang nằm ngủ trên tấm nệm dưới sàn nhà, cửa phòng không khóa. D liền nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà B, tìm tài sản để lấy trộm. Sau khi vào bên trong, D đóng cửa lại và lấy ổ khóa móc vào khoen khóa cửa bên trong. Thấy túi quần bên phải của bà B cộm lên, D nghĩ là có tiền bên trong nên dùng tay đưa vào để lấy, do bị chạm vào người nên bà B giật mình thức giấc thì nhìn thấy D, bà B la lên “mày về phòng ngủ đi, làm gì ở đây, sao mày vô đây được”. Sợ bà B biết mình đột nhập vào lấy trộm tài sản nên D giả vờ nói “má cho con ôm cái rồi con về”. Nói xong, D chồm người xuống định ôm bà B thì bị bà B xô ra, đồng thời la lớn “mày về dưới ngủ”. Lo sợ bà Ba tri h cho người khác biết nên D liền nhặt con dao dùng để gọt trái cây để dưới sàn nhà gần đó cầm trên tay phải đâm liên một cái vào cổ bà B với mục đích để bà Ba không tri hô được. Bà B la lớn và dùng chân đạp vào người D làm rơi con dao trên tay xuống sàn nhà. D dùng tay trái bịt miệng bà B, dùng tay phải nhặt con dao và tiếp tục đâm thêm một nhát vào cổ bà B. Nghe tiếng bà Ba tri h, Trần

Ngọc H là người ở phòng trọ gần đó đi sang nhìn qua cửa kính thì thấy D đang nằm ôm bà B dưới sàn nhà. H dùng tay đập cửa yêu cầu Duyên mở cửa. Bị H phát hiện, D liền cầm theo con dao chạy bộ lên gác trong nhà, leo lên mái tôn trần nhà và tẩu thoát về phòng trọ, thay bộ quần áo đang mặc trên người, mang vào nhà tắm tẩy xóa vết máu của bà B dính vào trong lúc đâm và dùng cồn rửa sạch vết máu dính trên dao. Bà B tự mở cửa và được H cùng những người ở gần đó đưa đến Bệnh viện C cấp cứu và tố giác sự việc trên đến Công an xã B. Công an xã B đến hiện trường, yêu cầu Duyên mở cửa phòng trọ, đưa về trụ sở và lập hồ sơ xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Cao Thị Hồng D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, D còn khai nhận, khi phụ bà B dọn dẹp đồ trong nhà D biết được lối leo lên trần nhà trên gác nên đã móc khóa cửa bên trong nhà trước khi lục tìm tài sản của bà B lấy trộm và sẽ tẩu thoát theo lối trên để tránh bị người khác nhìn thấy.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 776/TgT.21 ngày 19/11/2021 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế Thành phố H, kết luận thương tích đối với bà Trần Thị B như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương vùng cổ phải gây thủng đứt da, đứt thùy phải tuyến giáp, thủng khí quản và thực quản, tràn khí trung thất đã được điều trị khâu sụn khí quản, khâu vết thương, hiện còn một sẹo kích thước 11,5x(0,1-0,2)cm. Vết thương trên do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn tác động gây ra, không gây nguy hiểm đến tính mạng của đương sự. Vết thương phần mềm vùng gáy phải đã được điều trị, hiện còn một sẹo kích thước 1,2x0,2, tình trạng ổn định. Vết thương trên do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra, gây nguy hiểm đến tính mạng của đương sự. Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 46%. Con dao như bản ảnh cung cấp gây ra được hai vết thương trên.

Tại Bản kết luận giám định số 6652-21/KLGD-SV ngày 19/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Mẫu máu ghi thu của Trần Thị B cần giám định (mục II.1.7) thuộc nhóm máu O. Trên con dao cán màu vàng cần giám định (mục II.1.1): Không dính máu. Trên quần lưng cần giám định (mục II.1.2.1): Có dính máu người, không đủ cơ sở để xác định được nhóm máu. Trên áo thun cần giám định (mục II.1.2.2): Không dính máu. Trên tấm ga nệm cần giám định (mục II.1.3.1): Có máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu với nạn nhân Trần Thị B. Trên chiếc khuyên tai cần giám định (mục II.1.4): Có máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu với nạn nhân Trần Thị B. Trên chiếc mảnh gạch cần giám định (mục II.1.5): Có máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu với nạn nhân Trần Thị B. Trên chiếc mảnh gạch cần giám định (mục II.1.5): Có máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu với nạn nhân Trần Thị B. Trên chiếc mảnh gạch (Ký hiệu số 1) cần giám định (mục II.1.6): Có máu người, nhóm máu O, cùng nhóm máu với nạn nhân Trần Thị B.

Vật chứng, đồ vật bị tạm giữ: Thu giữ của **Cao Thị Hồng D**: 01 con dao kim loại có cán bằng nhựa màu vàng, dài khoảng 21cm (lưỡi dao bằng kim loại); 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đỏ đen.

Thu giữ tại hiện trường: 01 tấm ga nệm sọc trắng xanh; 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng; 03 mẫu màu nâu đỏ nghi là máu; 01 áo thun màu đen, có đường hoa văn màu cam trên tay phải; 01 quần đùi vải màu xanh đen có hình mỏ neo in trên quần, lưng quần có chữ Conver màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà **Đào Thị M** là mẹ ruột của **Cao Thị Hồng D** đã thay **D** bồi thường cho bà **Trần Thị B** số tiền 35.000.000 đồng. Bà **B** đã nhận tiền và không thắc mắc khiếu nại gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 172/CT-VKS-P2 ngày 29/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo **Cao Thị Hồng D** về tội “Giết người” theo điểm n, g khoản 1 Điều 1 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Cao Thị Hồng D** đã thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh “Giết người” là đúng, không oan sai.

Bà **Trần Thị B** xác nhận đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo **D** phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Bị cáo **Cao Thị Hồng D** thể hiện thái độ ăn năn, hối cải, xin được khoan hồng để sớm có điều kiện trở về gia đình, làm lại cuộc đời.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của bị cáo, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo **Cao Thị Hồng D** về tội “Giết người”. Đề nghị hội đồng xét xử: áp dụng điểm n, g khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt **Cao Thị Hồng D** từ 13 đến 15 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo không phải bồi thường thêm khoản nào khác cho bị hại **Trần Thị B**. Đồng thời, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư **Cao Thị Kiều T1** bào chữa cho bị cáo **Cao Thị Hồng D** thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo dưới mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo **Cao Thị Hồng D** thống nhất với lời bào chữa của vị luật sư, không tranh luận gì thêm.

Bà **Trần Thị B** không có ý kiến tranh luận.

Tranh luận lại ý kiến của vị luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Luật sư không tranh luận về tội danh, điều khoản truy tố đối với bị cáo mà chỉ nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo **Cao Thị Hồng D** thể hiện thái độ ăn năn, hối lỗi, mong bị hại tha thứ và xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra **Công an Thành phố Hồ Chí Minh**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Cao Thị Hồng D**, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Luật sư bào chữa cho bị cáo **Cao Thị Hồng D** không có ý kiến về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: bị cáo **Cao Thị Hồng D** đã khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được xác định qua bản tự khai, tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; lời khai của bị hại, người làm chứng; bản ảnh, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y... nên đã có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 18/6/2021, khi thấy bà **Trần Thị B** đang nằm ngủ trên tấm nệm dưới sàn nhà ở Phòng số 01, tại địa chỉ **C Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh** Xuất không khóa cửa, **Cao Thị Hồng D** đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà **B**, tìm tài sản trộm cắp. Khi vào bên trong, **D** thấy túi quần của bà **B** cộm lên nên nghĩ là có tiền ở bên trong nên dùng tay đưa vào để lấy thì bị bà **B** phát hiện và la lớn, đuổi ra ngoài. Do sợ bị phát hiện, **D** đã nhặt con dao bằng kim loại dài 21cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao nhọn bằng kim loại ở sàn nhà, cầm trên tay phải đâm một nhát trúng vào cổ và một nhát trúng vào vùng gáy của bà **B** gây thương tích cho bà **B** với tỉ lệ tổn thương

cơ thể do thương tích gây nên là 46%, vết thương nguy hiểm đến tính mạng. (Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 776/TgT.21 ngày 19/11/2021 của Trung tâm pháp y, **Sở Y tế Thành phố H**).

Với hành vi dùng con dao mũi nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào các vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại gây thương tích như trên và hành vi phạm tội này nhằm để che giấu tội phạm khác (hành vi trộm cắp tài sản trước đó), xét đã có đủ cơ sở để kết tội bị cáo **Cao Thị Hồng D** phạm vào tội “Giết người” theo điểm n, g khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện tính chất côn đồ, đã xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, khi bị bà **B** phát hiện đuổi bị cáo về phòng của mình, bị cáo vẫn xông đến, bà **B** đẩy bị cáo ra thì bị cáo lại không dừng lại. Chỉ vì muốn che giấu hành vi lén lút đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản mà bị cáo đã dùng con dao đâm bị hại, bị cáo biết và buộc phải biết rằng việc cầm dao bằng kim loại dài 21cm mũi nhọn đâm 02 nhát vào vùng cổ và gáy là các vùng trọng yếu trên cơ thể con người sẽ dẫn đến chết người nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, cho thấy bị cáo rất hung hãn, coi thường tính mạng người khác, coi thường pháp luật. Việc bà **Ba k** chết và chỉ bị thương tích với tỷ lệ thương tật 46% là do có sự phản kháng chống cự của bà **B** và được những người ở xung quanh tri hô, cấp cứu kịp thời, nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có 2 tình tiết định khung quy định tại điểm n, g khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự nên mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là đặc biệt lớn. Do vậy, cần thiết phải áp dụng tội danh và hình phạt của điều luật truy tố để xử phạt bị cáo với mức án tương xứng thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án; bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường số tiền 35.000.000 đồng khắc phục hậu quả cho bị hại. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo không gây nên cái chết cho bị hại, phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt.

Với các tình tiết trên, xét có thể áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà **Trần Thị B** xác nhận đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 35.000.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo **D** phải bồi thường thêm khoản nào khác. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận, không trái

quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác cho bà **Trần Thị B.**

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với: 01 con dao kim loại có cán bằng nhựa màu vàng, dài khoảng 21cm (lưỡi dao bằng kim loại) thu giữ của **Cao Thị Hồng D**; 01 tấm ga nệm sọc trắng xanh; 03 mẫu màu nâu đỏ nghi là máu; 01 áo thun màu đen, có đường hoa văn màu cam trên tay phải; 01 quần đùi vải màu xanh đen có hình mỏ neo in trên quần, lưng quần có chữ Conver màu trắng thu giữ tại hiện trường là hung khí bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các mẫu, vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng là tài sản của bà **Trần Thị B** nên trả lại cho bà **B.**

- Đối với 01 ĐTDĐ hiệu Nokia màu đỏ đen thu giữ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, không phải là tài sản do phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo **Cao Thị Hồng D.**

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm n, g khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt **Cao Thị Hồng D** 14 (mười bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2021.

Ghi nhận bị cáo **Cao Thị Hồng D** không phải bồi thường thêm khoản nào khác về mặt dân sự cho bà **Trần Thị B.**

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp niêm phong có hình dấu của **Phòng K1 Công an Thành phố H**, bên trong gồm có: 01 con dao cán nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 21cm; 01 áo thun màu đen có đường hoa văn màu cam trên tay phải; 01 quần đùi vải màu xanh đen có hình mỏ neo in trên quần, lưng quần có chữ Conver màu trắng; 01 tấm ga nệm sọc trắng xanh; 03 mẫu gạc màu nâu đỏ.

Riêng 01 chiếc bông tai bằng kim loại màu vàng thì tách ra trả lại cho bà **Trần Thị B.**

- Trả lại cho bị cáo **Cao Thị Hồng D**: 01 điện thoại di động Nokia model 107 màu đỏ đen, số iemi 1: 352378/06/323506/7, số imei 2:

352378/06/323507/05, sim 1 hiệu Mobiphone: 840118119233WD, sim 2: hiệu Mobiphone: 8401180150918935 OT (bề mặt).

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2022/530 ngày 12/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (2)
- Phòng THA-HS; (1)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư, đương sự; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (P/22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Nguyễn